

Thứ 12: KIỀN ĐỘ CĂN

Khế kinh Uất-đà-la-da nói rộng.

Hỏi: Đây là lời Thế Tôn nói, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ý, cảnh giới của năm thức thân có xoay chuyển lại ở giữa, ấy là tạo ra thuyết này: Cảnh giới du hành của ý này, ý có từ bỏ.

Hỏi: Như Khế kinh Lục Trùng nói: Các thứ chủng loại đều có ngần ấy. Tất cả cảnh giới là ý, năm thức thân thấy cảnh giới, bèn có oai nghi chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Căn của thân năm thức kia đã nói, ý thức là ý thanh. Năm thức thân, mỗi thức đều duy trì nhau. Nghĩa ấy là tất cả cảnh giới của ý thức đều được gìn giữ, nhớ dai không quên, cũng như năm người thợ giỏi mỗi người đều có kỹ nghệ, qua lại hỏi han, để thọ nhận một người.

Hoặc có thuyết nói: Cảnh giới của năm thức thân ở hiện tại, là oai nghi của năm thức thân, quá khứ, vị lai là ý. Đây là yếu chỉ của Khế kinh này.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới của năm thức thân là tự tướng của năm thức thân hiện tại, do ý thức nhóm họp mà từng trải qua.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới của năm thức thân gồm nhiếp năm thức thân với sự giống nhau khác.

Lại có thuyết nói: Năm thức thân duy trì thân ý thức mà có, pháp chủng nhân quả tương tự của năm thức thân kia là ý thức, năm thức thân ấy là có cảnh giới, là nghĩa được nói ở đây.

Lại có thuyết nói: Thân ý thức có hai thứ: Có giảng nói rộng và không giảng nói rộng, Có giảng nói rộng, gọi là cảnh giới của ý.

Lại nữa, trên đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Nếu nói nhân duyên năm thức thân Ưu-đà-la-da, đối với nghĩa này mà giảng nói rộng, cho nên, đương tri căn, dục tri căn nên ghi nhớ thân thức.

Hỏi: Thế nào là giới?

Đáp: Các căn, nên nói là cảnh giới oai nghi của ý, ý có tận, ý có niệm, ý vốn ghi nhớ sự việc, ý vốn ghi nhớ sự việc an trụ.

Phương tiện muốn biết ý nên ghi nhớ đối tượng đã nghĩ.

Hỏi: Ý kia truyền đi khắp hy vọng là thế nào?

Đáp: Vốn bốn ý chỉ mà xoay lại, thế nên là phương tiện của niệm.

Phương tiện muốn biết ý sẽ ghi nhớ bốn ý chỉ.

Hỏi: Bốn ý chỉ kia có niệm là sao?

Đáp: Nên nói là nghĩ đến Bà-la-môn, phải ghi nhớ bốn ý chỉ. Bốn ý chỉ là gốc xoay lại bảy giác ý. Thế nên, phương tiện muốn biết ý chỉ, nên ghi nhớ bảy giác ý.

Làm sao có được bốn ý chỉ này? Thế nên, bốn ý chỉ của Bà-la-môn nên ghi nhớ bảy giác ý. Tu bảy giác ý, trụ minh, giải thoát, thế nên phương tiện muốn biết giác ý, nghĩa là nên ghi nhớ minh, giải thoát.

Hỏi: Làm sao có bảy giác ý này?

Đáp: Bảy giác ý của Bà-la-môn, ghi nhớ minh, giải thoát, giống như tạo ra minh, giải thoát. Bảy giác ý của Bà-la-môn kia được hai căn dứt kiết, nên muốn biết minh, giải thoát.

Vô minh, hữu ái, ái đoạn, nên tạo ra sự ghi nhớ này: Thế nào là trụ minh, giải thoát? Bà-la-môn không có minh, giải thoát, nhớ nghĩ Niết-bàn. Uất-đà-la-da nhớ đến luận lâu xa, để vượt qua luận này. Đức Thế Tôn cũng nói: Đây nói là sự xoay lại giới cấm của Hiền Thánh. Hoặc có đối tượng giác, ít có đối tượng ghi nhớ. Vô minh kia đã dứt, ái hết, việc phải làm đã làm xong, nên nói là qua đến Niết-bàn, phạm hạnh của ta đã lập.

Hỏi: Căn vị trí ý nghĩa thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người chưa vượt qua trình tự: Không tu hành các học, trí tuệ, căn trí tuệ, pháp vững chắc của tất cả các căn, chưa tu hành bốn đế mà tu hành bốn đế, nói là vị trí căn. Vì sao? Vì không phải tất cả nhận biết kia.

Hỏi: Tất cả không nhận biết của Tu-đà-hoàn, cũng lại do tất cả nhận biết này phải không?

Đáp: Người kiến đế là biết các căn. Lại nữa, người có căn vị trí có tướng như thế. Giống như nhãn căn, người này không có tướng này, thế nên phải quán tướng A-tỳ-đàm.

Hỏi: Nghĩa của căn dĩ tri là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các bậc hữu học, trí tuệ, căn trí tuệ của người kiến đế và tìn giải thoát của căn khác, kiến đế thân chứng, tu hành bốn đế trên, gọi là căn dĩ tri. Vì sao? Vì là người không có biết.

Hỏi: Người kia hưởng về liền biết rõ sử dục, ấy là trí tuệ căn phải không? Lại nữa, ta đã biết nói là dĩ tri căn, cũng như nhãn căn, nhãn căn, gọi là cũng như vua, quan, như nương tựa Hiền Thánh, đó là Dĩ tri căn. Như dựa vào cây ăn quả có quả, không có tất cả tướng. Thế nên, phải quán tướng A-tỳ-đàm.

Nghĩa của vô tri căn thế nào?

Đáp: Các bậc vô học, trí tuệ, căn trí tuệ của A-la-hán lậu tận và

căn đã thực hành giải thoát, trí tuệ giải thoát. Nếu chỗ ở kiến pháp thiện của A-la-hán nói là vô trí căn, vì sao? Vì các căn này tạo ra mọi việc.

Hỏi: Vì sao Niết-bàn nói là vô lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Niết-bàn kia không sinh hữu lậu.

Lại nói thế này: Không thể sinh hữu lậu.. Lại nói: Niết-bàn kia không tương ứng với hữu lậu. Lại nữa, Niết-bàn kia không tạo ra hữu lậu, cũng không mong cầu hữu lậu, cho nên, Niết-bàn được gọi là vô lậu.

Hỏi: Vì sao Niết-bàn gọi là vô trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thế nào là đệ nhất nghĩa vô trí A-la-hán?

Câu hỏi này cũng là điều hoài nghi của tôi: Vì sao tạo ra thuyết này: Quả vô trí, gọi là không có trí, cũng như quả hạnh, sáu tình, gọi là bốn hành. Đức Thế Tôn nói: Các hữu cung kính vô trí này là Niết-bàn, họ bèn có Niết-bàn vô trí tự nhiên. Thế nên, phải bỏ Niết-bàn này, không cần luận đến.

Hỏi: Vì sao tưởng không nói là căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì nghĩa tăng thượng là nghĩa căn, nhưng tưởng không phải loại tăng thượng.

Hỏi: Như đã nói: Tất cả các pháp, đều là tăng thượng, thế nên tưởng cũng có tăng thượng? Đáp: Lại tạo ra thuyết này: Tưởng không thể dứt trừ kiết.

Hỏi: Như đã nói: Tu tưởng vô thường dứt hết ái dục, thế nên tưởng cũng dứt kiết? lại tạo ra thuyết này: Tưởng không thuộc về căn, như đã nói: Tu tưởng vô thường, dứt tất cả ái dục, Đức Thế Tôn nói thuyết này: Gây ra tưởng của tưởng, nghĩa là nhiếp giữ tự tưởng, như quán đối tượng gìn giữ.

Hỏi: Các hữu khổ, nghĩa là tất cả khổ kia đều thành tựu khổ căn phải không?

Nếu thành tựu khổ căn, thì tất cả khổ kia đều là khổ chẳng?

Đáp: Các khổ, tất cả khổ kia thành tựu khổ căn, hoặc thành tựu khổ căn, khổ căn kia không phải khổ, được khổ căn mà không mất và căn khác mà hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các niềm vui, nghĩa là tất cả niềm vui kia đều thành tựu lạc căn? Nếu thành tựu lạc căn nghĩa là thành tựu tất cả lạc căn kia?

Đáp: Các niềm vui chính là tất cả thành tựu lạc căn kia. Hoặc thành tựu lạc căn nhưng chẳng phải niềm vui, được các lạc căn mà không mất và những căn khác hiện ra trước mắt.

Hỏi: Vị trí căn gồm nhiếp bao nhiêu căn? Lại có bao nhiêu căn

gồm nhiếp vị tri căn?

Đáp: Vị tri căn thuộc về một ít nhập của một căn, một căn của trí tuệ căn gồm nhiếp trí tuệ căn của vị tri căn.

Hoặc có thuyết nói: Vị tri căn nghĩa là một ít nhập của chín căn. Năm ý căn thiện, lạc căn, hỷ căn, xả căn, chín căn gồm nhiếp vị tri căn. Đây cũng là thuyết Tôn giả Đàm-ma-da-la đã tạo ra: Vị tri căn thuộc về một căn của vị tri căn. Lại nữa, một căn gồm nhiếp vị tri căn tức là vị tri căn. Dĩ tri căn, vô tri căn cũng giống như thế.

Hỏi: Vị tri căn tương ứng với bao nhiêu căn? Có bao nhiêu căn tương ứng với vị tri căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vị tri căn tương ứng với tám căn, năm căn an vui, hỷ căn, xả căn, tám căn cũng tương ứng với vị tri căn như trên không khác.

Hoặc có thuyết nói: Vị tri căn tương ứng với chín căn như nghĩa trên, chín căn tương ứng với vị tri căn.

Đức Thế Tôn cũng tạo ra thuyết này: Vị tri căn không tương ứng với các căn, các căn không tương ứng với vị tri căn. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng giống như thế. Vả lại, do nương vào sự hư hoại các yếu đằm, trước nhóm họp và rồi tạo ra quả.

Hoặc có thuyết nói: Nhân căn hoại, nhân thức không hoại.

Hỏi: Vì sao không nương nhân thức?

Đáp: Sự sinh không có nương tựa các dục, do nhất thời cùng nhóm họp tạo nên quả thật. Người kia nói: Không, nhân căn, nhân thức đều sinh bốn đại, đều có bốn đại: sắc, thanh, hương, vị. Dựa vào bốn đại, sắc, thanh, hương, vị, là nghĩa ở đây.

Hỏi: Điều này cũng ở trong đó có nghi ngờ? Vả lại, dựa vào sự hủy hoại nương vào không hủy hoại? Các ái trên do yếu mến sắc mà tồn tại?

Đáp: Người kia nói là: Có, hoặc nhân thức hoại, nhân căn không hoại.

Hỏi: Nếu nhân căn có các nhân thức, thì nhân căn đó nay không có, sao nay mười hai nhân duyên mà có trái nghịch? Cũng nhờ nhân căn kia mà có, không có nhân căn kia thì không có? Nếu người cõi Dục, không, sắc, thì họ sẽ nói là không, ví đối tượng nương tựa đã hoại, thì sự nương tựa kia đều hoại.

Vả lại, nhân căn và nhân thức đều sinh chẳng? Như nghĩa trên đã nói, vì sao năm căn đều thiện? Sau đó, ba căn thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm căn là vô lậu, ba căn vừa là hữu

lậu, vừa là vô lậu.

Đức Thế Tôn nói thuyết này: Năm căn biến khắp đều tương ứng với nói về đại sự, ba căn, nghĩa là không có lý nhất định.

Hỏi: Vì sao báo của ưu căn không thể được?

Đáp: Sự ân cần hiện tại, ấy là có ưu căn, ưu căn này không thể được, vì cũng mất, thế nên ưu căn kia không phải báo.

Đức Thế Tôn nói thế này: Vì ưu căn đắm nhiễm khắp, không giống với báo của nó, nên nói nó không phải báo. Vì sao? Vì nghi cõi Dục tương ứng với hai căn: ưu căn, xả căn. Nghi tương ứng với cõi Sắc, tương ứng với ba căn: lạc căn, hỷ căn, xả căn.

Hoặc có thuyết nói: Ở cõi Sắc không có ưu căn, thế nên không tương ứng với ưu căn kia.

Hỏi: Trong cõi Dục cũng có lạc căn, hỷ căn. Cõi Dục tương ứng với hai căn đó chăng?

Đáp: Đức Thế Tôn nói như thế này: Nghi không có vấn nạn tương ứng với ưu căn, vì nghiêng về bên trái của ưu căn, ấy là có số của xả căn, ưu căn, không có nghi, có lạc, có hỷ.

Hỏi: Vả lại, có pháp đệ nhất thế gian không là duyên duyên trung gian của khổ pháp nhãn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có, trừ trí tuệ của khổ pháp nhãn kia và trí tuệ của pháp đệ nhất thế gian khác, duyên trí tuệ trung gian.

Đức Thế Tôn nói như thế này: Thức thức trung gian duyên tâm sở, tâm pháp, xoay lại tánh của tâm kia một ít, trung gian có nhiều, nhiều trung gian có ít, thế nên không ở trung gian có duyên.

Hỏi: Vả lại, có pháp đệ nhất thế gian không tương ứng với lạc căn, hỷ căn, xả căn không?

Đáp: Có, như ba căn trên, như tương ứng của pháp đệ nhất này.

Như đã nói: Dựa vào đệ Tam thiên, đồng vượt qua trình tự, nhận lấy chứng. Nếu pháp đệ nhất thế gian mà hiện ở trước, nói là pháp đệ nhất thế gian tương ứng với lạc căn, như thế, pháp đó có trái nghịch.

Vì sao nam căn, nữ căn, gọi là hữu hình?

Đáp: Ở trong đó có danh là nam, là nữ.

Hỏi: Nếu đều có hai hình, thì cũng gọi là có hai hình. Các người nữ, hết thấy người nữ đó có thành tựu nữ căn chăng? Nếu thành tựu nữ căn, thì tất cả người kia đều là nữ?

Đáp: Các người nữ đều thành tựu nữ căn.

Hỏi: Vả lại, thành tựu nữ căn, người kia không phải nữ chăng?

Cũng giống như có hai hình, thành tựu hai căn, cũng như gấu đực,

gấu cái và chủng loại sinh khác. Các người nam, tất cả người nam đó thành tựu nam căn chăng? Nếu thành tựu nam căn, thì tất cả người đó người đó là nam chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các người nam, tất cả người nam đó đều thành tựu nam căn.

Vả lại, thành tựu nam căn, người đó không phải người nam chăng?
Cũng như có hai hình.

Lại nữa, hoặc là người nam, người ấy không thành tựu nam căn chăng? Cũng như các tầng trời sắc, Vô Sắc.

Vả lại, thành tựu nam căn, người đó không phải là nam chăng? Cũng như có hai hình thành tựu hai căn, cũng như gấu đực, gấu cái và chủng loại khác, cũng như nửa tháng đầu mặt trăng đổi thay hình dáng, sự ganh ghét, hy vọng là hình ngoài, hoặc người nam có nam căn, nếu người sinh cõi Dục. Hoặc không phải người nam thì không có nam căn, người nữ sinh ít tạo ra bệnh, ít ở chúng sanh của mô trứng và thứ sinh khác, đôi lúc đầy dần. Các người phi nam, phi nữ, tất cả người ấy đều không có nam, nữ căn chăng?

Hỏi: Nếu người không thành tựu nam căn, nữ căn, thì tất cả người ấy không phải nam căn, không phải nữ căn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Những người không thành tựu nam căn nữ căn thì tất cả người ấy chẳng phải nam, chẳng phải nữ.

Vả lại, phi nam, phi nữ, họ có thành tựu nam, nữ căn không?

Cũng như có hai hình. Lại nữa, hoặc không thành tựu nam căn, nữ căn, không phải là nữ, không phải nam, cũng như trời sắc, Vô Sắc.

Vả lại, thành tựu nam căn, nữ căn, không phải là nam, không phải là nữ, cũng như có hai hình, thành tựu hai căn cũng như gấu đực, gấu cái và chủng loại sinh khác.

Vả lại, thành tựu nam căn, không phải nữ căn, nhưng không phải là nữ, không phải nam căn, cũng như hình bán nguyệt đổi thay, bệnh ganh ghét.

Vả lại, không thành tựu nam căn, nữ căn, người ấy không được nói là nam căn, là nữ căn, cũng như sinh ra chứng bệnh thủng, chúng sanh ở trong thai, mô trứng đầy dần và chúng sanh khác không rối loạn.

Năm, ba trí vô lậu

*Tướng, phương tiện khổ, vui Không hoại có
hai ý*

Nghi nam, nữ thế gian.

Kiên độ căn thứ mười hai xong.